

Số: 1288/QĐ-SGDĐT

Kiên Giang, ngày 21 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành nội dung và cấu trúc đề thi học sinh giỏi vòng tỉnh cấp trung học phổ thông và trung học sơ sở từ năm học 2018-2019

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KIÊN GIANG

Căn cứ Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 08/5/2012 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định 1265/QĐ-SGDĐT ngày 09 tháng 10 năm 2012 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kiên Giang về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị giúp Giám đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Giáo dục Trung học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành nội dung và cấu trúc đề thi học sinh giỏi vòng tỉnh cấp trung học phổ thông và trung học sơ sở từ năm học 2018-2019 (có phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 983/QĐ-SGDĐT ngày 11 tháng 8 năm 2015 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành giới hạn chương trình và cấu trúc đề thi học sinh giỏi vòng tỉnh lớp 12 cấp trung học phổ thông kể từ năm học 2015-2016.

Điều 3. Trưởng phòng Giáo dục Trung học, Trưởng các phòng ban của Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *phm*

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Sở;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P. GDT&H.



Cao Thanh Hùng

NỘI DUNG VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI
HỌC SINH GIỎI VÒNG TỈNH CẤP THCS TỪ NĂM HỌC 2018-2019
(Kèm theo Quyết định số 4288 /QĐ-SGDĐT ngày 21 tháng 11 năm 2018
của Sở GDĐT Kiên Giang)

MÔN TOÁN

Bài 1. Phương trình, bất phương trình, hệ phương trình (4 điểm)

Câu 1. Phương trình bậc hai có tham số, ... (2 điểm)

Câu 2. Giải phương trình, bất phương trình, hệ phương trình (2 điểm)

Dùng các phương pháp giải: biến đổi, đặt ẩn phụ, đánh giá,...

Bài 2. (4 điểm)

Câu 1. Bất đẳng thức, giá trị lớn nhất - nhỏ nhất (2 điểm)

Phương pháp biến đổi tương đương, sử dụng bất đẳng thức AM-GM, chọn điểm rơi trong AM-GM, Bất đẳng thức Cauty-Swcharzt...

Câu 2. Các bài toán về hàm số (2 điểm): Liên quan đến tính chẵn lẻ, tìm hàm số thỏa mãn điều kiện cho trước, các bài toán tương giao giữa đồ thị hàm bậc nhất, bậc hai...

Bài 3. (4 điểm)

Câu 1. Đa thức (2 điểm)

Tìm đa thức thỏa mãn các điều kiện; chia hết trong đa thức; định lý Bơ-zu,...

Câu 2. Số học (2 điểm)

Đồng dư, Phương trình nghiệm nguyên, số chính phương, số nguyên tố,...

Bài 4. (4 điểm).

Câu 1. Suy luận logic (1,5 điểm)

Dùng các phương pháp chứng minh phản chứng, Dirichlet, bất biến.

Câu 2. Các bài toán hình học phẳng (2,5 điểm).

Các bài toán liên quan đến tam giác, tứ giác,...

Bài 5. Hình học phẳng (4 điểm)

Dùng các kiến thức THCS, các bài toán liên quan đến liên quan đến đường tròn./.

Lưu ý:

- Có 3 câu mức độ nâng cao là những câu trong các chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi, có tổng số điểm 5,5/20 chiếm 27,5% tổng điểm toàn đề.

- Những câu còn lại bám sát theo chương trình Chuẩn và Nâng cao.



MÔN VẬT LÝ

1. Thời gian làm bài: 180 phút (không kể thời gian giao đề).
2. Hình thức thi: Tự luận 100%
3. Cấu trúc đề thi:

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ BÀI	SỐ ĐIỂM (dự kiến)
1	Cơ học.	1	5
2	Nhiệt học.	1	4
3	Điện học.	1	5
4	Điện từ học.	1	2
5	Quang hình học	1	4
Tổng		5	20

Lưu ý:

- Mỗi bài thi có thể là kiến thức tổng hợp của nhiều chủ đề nhưng không vượt ra giới hạn các chủ đề trên.
- Khuyến khích ra bài thực hành nhưng không quá 1 bài. Có thể lồng ghép bài thực hành vào nội dung các bài tập ở một chủ đề nào đó.
- Đề thi phải đảm bảo 20% đến 25% ở mức độ nhận biết và thông hiểu được lồng ghép trong các bài tập bằng cách cho điểm các bước giải.

MÔN HÓA HỌC

I. Giới hạn chương trình:

Toàn bộ chương trình Hoá học lớp 8 và lớp 9 có kiến thức nâng cao

II. Cấu trúc đề thi:

STT	Nội dung	Số câu	Số điểm	Ghi chú
Bài 1	BT lý thuyết về: - Chất- Nguyên tử-Phân tử - Bảng TH các nguyên tố HH - Phản ứng HH - Các hợp chất vô cơ - Hợp chất hữu cơ	3	5	
Bài 2	Bài toán về dung dịch, phản ứng xảy ra trong dung dịch	1	3	
Bài 3	Bài toán về Kim loại, phi kim	1	3	
Bài 4	Bài toán về các hợp chất vô cơ	1	4	
Bài 5	Bài toán về các hợp chất hữu cơ (Hydro cacbon, dẫn xuất hydrocacbon, polime)	1	5	

MÔN SINH HỌC

I. Cấu trúc đề thi

- Chia làm 5 phân môn, tổng cộng 20 điểm. Thời gian làm bài 150 phút.
- Mỗi phân môn có thể gồm nhiều câu hỏi, có độ phân hóa nhằm phát hiện và tuyển chọn học sinh giỏi.
- Lí thuyết thực hành được lồng ghép vào nội dung các câu hỏi, tối đa là 2 điểm.

<i>TT</i>	<i>Các phân môn</i>	<i>Số điểm</i>	<i>Số câu hỏi</i>	<i>Loại câu hỏi</i>
1	Thực vật	1,5	1	Tự luận
2	Động vật có xương sống	1,5	1	Tự luận
3	Giải phẫu sinh lí người	5	2 - 3	Tự luận
4	Di truyền và biến dị	8	3 - 4	Tự luận
5	Sinh vật và môi trường	4	2 - 3	Tự luận

- Đáp án chia đến 0,25 điểm.

II. Nội dung kiến thức

- 1. Thực vật:** Tế bào thực vật; Rễ; Thân; Lá và vai trò của thực vật
- 2. Động vật có xương sống:** Lớp cá; Lớp lưỡng cư; Lớp bò sát; Lớp chim và Lớp thú.
- 3. Giải phẫu sinh lí người:** Khái quát về cơ thể người; Vận động; Tuần hoàn; Hô hấp; Tiêu hóa; Da; Trao đổi chất và năng lượng.
- 4. Di truyền học:** Các thí nghiệm của MenĐen; Nhiễm sắc thể; ADN và gen, Biến dị; Di truyền học người và Ứng dụng di truyền học.
- 5. Sinh vật và môi trường:** Sinh vật và môi trường; Hệ sinh thái; Con người, dân số và môi trường; Bảo vệ môi trường./.

MÔN NGỮ VĂN

A. Nội dung chương trình

Là toàn bộ chương trình dạy học THCS, tập trung chủ yếu lớp 8, lớp 9

I. Nghị luận văn học

1. Kiến thức văn học

a. Lớp 8:

- Tôi đi học - Thanh Tịnh.
- Trong lòng mẹ - Nguyên Hồng.
- Tức nước vỡ bờ - Ngô Tất Tố.
- Lão Hạc - Nam Cao.
- Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác - Phan Bội Châu.
- Đập đá ở Côn Lôn - Phan Châu Trinh.
- Muốn làm thằng Cuội - Tản Đà.
- Nhớ rừng - Thế Lữ.
- Ông đồ - Vũ Đình Liên.
- Quê hương - Tế Hanh.
- Khi con tu hú - Tố Hữu.
- Tức cảnh Pác Pó - Hồ Chí Minh.
- Ngắm trăng - Hồ Chí Minh.

- Hịch tướng sĩ - Trần Quốc Tuấn.
- Nước Đại Việt ta - Nguyễn Trãi.

b. Lớp 9:

- Chuyện người con gái Nam Xương - Nguyễn Dữ.
- Hoàng Lê nhất thống chí - Ngô gia văn phái.
- Truyện Kiều - Nguyễn Du.
- Lục Vân Tiên - Nguyễn Đình Chiểu.
- Đồng chí - Chính Hữu
- Bài thơ về tiểu đội xe không kính - Phạm Tiến Duật.
- Đoàn thuyền đánh cá - Huy Cận.
- Bếp lửa - Bằng Việt.
- Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ - Nguyễn Khoa Điềm.
- Ánh trăng - Nguyễn Duy.
- Làng - KimLân.
- Lặng lẽ Sa Pa - Nguyễn Thành Long.
- Chiếc lược ngà - Nguyễn Quang Sáng.
- Con cò - Chế Lan Viên.
- Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải.
- Viếng lăng Bác - Viễn Phương.
- Sang thu - Hữu Thỉnh.
- Nói với con - Y Phương.
- Bến quê - Nguyễn Minh Châu.
- Những ngôi sao xa xôi - Lê Minh Khuê.

2. Kiến thức làm văn

- Nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).
- Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

II. Nghị luận xã hội

- Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.
- Nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lý.

B. Cấu trúc

Đề thi gồm 2 câu:

- Câu 1: Nghị luận xã hội (8 điểm)
- Câu 2: Nghị luận văn học (12 điểm)./.



MÔN LỊCH SỬ

I. NỘI DUNG THI:

- Đề thi tập trung vào chương trình lớp 8 và lớp 9 THCS.
- Thực hiện giảm tải theo Công văn số 5842/BGDĐT-VP ngày 01/9/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nội dung gồm 2 phần:

1. Lịch sử thế giới:

STT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
CHƯƠNG TRÌNH LỚP 8		
1	Cách mạng tháng Mười Nga 1917 và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1921-1941).	
2	Hai cuộc Chiến tranh thế giới: thứ nhất (1914-1918) và thứ hai (1939-1945).	<i>Không dạy chi tiết diễn biến</i>
CHƯƠNG TRÌNH LỚP 9		
1	Liên Xô và các nước Đông Âu từ 1945 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX.	
2	Các nước Á, Phi, Mĩ Latinh từ năm 1945 đến nay: - Quá trình phát triển của phong trào giải phóng dân tộc và sự tan rã của hệ thống thuộc địa. - Các nước châu Á. - Các nước Đông Nam Á.	Giảm tải
3	Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu từ năm 1945 đến nay: - Nước Mĩ. - Nhật Bản.	
4	Quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến nay	
5	Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật từ năm 1945 đến nay	

2. Lịch sử Việt Nam:

STT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
CHƯƠNG TRÌNH LỚP 8		
1	Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp từ năm 1858 đến cuối thế kỉ XIX: - Cuộc kháng chiến từ năm 1858 đến năm 1873. - Kháng chiến lan rộng ra toàn quốc (1873 - 1884). - Phong trào kháng Pháp trong những năm cuối thế kỉ XIX.	
2	Xã hội Việt Nam từ năm 1897 đến năm 1918: - Chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp và những chuyển biến kinh tế, xã hội ở Việt Nam. - Phong trào yêu nước chống Pháp từ đầu thế kỉ XX đến năm 1918.	
CHƯƠNG TRÌNH LỚP 9		
1	Việt Nam trong những năm 1919 - 1930: - Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất. - Phong trào cách mạng Việt Nam sau Chiến tranh thế	

	giới thứ nhất (1919 - 1926). - Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài trong những năm 1919 - 1925. - Cách mạng Việt Nam trước khi Đảng Cộng sản ra đời.	
2	Việt Nam trong những năm 1930 - 1939: - Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. - Phong trào cách mạng trong những năm 1930 - 1935. - Cuộc vận động dân chủ trong những năm 1936 - 1939.	
3	Cuộc vận động tiến tới cách mạng tháng Tám 1945: - Việt Nam trong những năm 1939 - 1945. - Cao trào cách mạng tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945. - Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 và sự thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.	
4	Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám đến toàn quốc kháng chiến: Cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân (1945 - 1946).	

II. CẤU TRÚC ĐỀ THI: gồm 6 câu. Thang điểm: 20.

1. Lịch sử thế giới:

- Số câu: 2 câu. Tổng điểm: 6.0. Trong đó:
- + 1 câu thuộc phần lịch sử thế giới lớp 8;
- + 1 câu thuộc phần lịch sử thế giới lớp 9.

2. Lịch sử Việt Nam:

- Số câu: 4 câu. Tổng điểm: 14.0. Trong đó:
- + 1 câu thuộc phần lịch sử Việt Nam lớp 8;
- + 2 câu thuộc phần lịch sử Việt Nam lớp 9;
- + 1 câu thuộc nội dung tích hợp, vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tiễn./.

MÔN ĐỊA LÝ

I. Nội dung chương trình

Nội dung thi nằm trong phạm vi Chương trình Giáo dục phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quyết định 16/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006, bao gồm:

- Toàn bộ Chương trình Địa lí Lớp 6.
- Chương trình Địa lí Lớp 8 (Phần hai - Địa lí Việt Nam).
- Toàn bộ Chương trình Địa lí Lớp 9.

II. Cấu trúc đề thi

Đề thi có 6 câu, thang điểm 20, được phân bố như sau:

Câu 1. Địa lý tự nhiên đại cương (3 điểm)

- Sự vận động tự quay quanh trục của Trái Đất và các hệ quả;
- Sự chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời;
- Hiện tượng ngày dài, đêm ngắn theo mùa;
- Thời tiết, khí hậu và nhiệt độ không khí;

- Khí áp và gió trên Trái Đất;
- Hơi nước trong không khí. Mưa;
- Các đới khí hậu trên Trái Đất;
- Đất. Các nhân tố hình thành đất;
- Lớp vỏ sinh vật. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phân bố thực, động vật trên

Trái Đất.

Câu 2. Địa lý tự nhiên Việt Nam (2 điểm)

- Vị trí, giới hạn, hình dạng của lãnh thổ Việt Nam;
- Vùng biển Việt Nam;
- Đặc điểm tài nguyên khoáng sản Việt Nam;
- Đặc điểm địa hình Việt Nam;
- Đặc điểm các khu vực địa hình;
- Đặc điểm khí hậu Việt Nam;
- Các mùa khí hậu và thời tiết ở nước ta.

Câu 3. Địa lý tự nhiên Việt Nam (3 điểm)

- Đặc điểm sông ngòi Việt Nam;
- Các hệ thống sông lớn ở nước ta;
- Đặc điểm đất Việt Nam;
- Đặc điểm sinh vật Việt Nam;
- Bảo vệ tài nguyên sinh vật Việt Nam;
- Đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam;
- Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ;
- Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ;
- Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

Câu 4. Địa lí kinh tế Việt Nam; Địa lí dân cư; Địa lí các ngành kinh tế (4 điểm)

- Cộng đồng các dân tộc Việt Nam;
- Dân Số và gia tăng dân số;
- Phân bố dân cư và các loại hình quần cư;
- Lao động và việc làm. Chất lượng cuộc sống;
- Sự phát triển nền kinh tế Việt Nam;
- Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp;
- Sự phát triển và phân bố nông nghiệp;
- Sự phát triển và phân bố sản xuất lâm nghiệp, thủy sản;
- Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp;
- Sự phát triển và phân bố công nghiệp;
- Vai trò, đặc điểm phát triển và phân bố của dịch vụ;
- Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông;
- Thương mại và du lịch.

Câu 5. Địa lí kinh tế Việt Nam: Địa lí các vùng kinh tế (4 điểm)

- Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ;
- Vùng Đồng bằng Sông Hồng;
- Vùng Bắc Trung Bộ;
- Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ;
- Vùng Tây Nguyên;

H.C
SỞ
TƯ
ĐÀ
KI

- Vùng Đông Nam Bộ;
- Vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 6. Các dạng câu hỏi kỹ năng: Vẽ, nhận xét, giải thích biểu đồ và bảng số liệu (4 điểm)

Nội dung nằm trong Chương trình Địa lí Lớp 9./.

MÔN TIẾNG ANH

I. NỘI DUNG ĐỀ THI:

- Toàn bộ nội dung, chương trình Chuẩn THCS.

II. ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI:

1. NGHE HIỂU (LISTENING) tổng điểm 4/20

- Thí sinh nghe từ 2-3 phân đoạn, từ 15 đến 20 câu.

2. NGỮ ÂM - NGỮ PHÁP - TỪ VỰNG (PRONUNCIATION - GRAMMAR-LEXICO) tổng điểm 6/20;

- Số câu: từ 50 đến 60 câu

- Nội dung:

- + Chọn từ có cách phát âm, trọng âm khác với từ còn lại;
- + Chọn từ để hoàn thành câu;
- + Tìm và chữa lỗi trong câu hoặc đoạn văn;
- + Cho hình thức đúng của từ trong câu hoặc đoạn văn;
- + Cho hình thức đúng của động từ trong câu hoặc đoạn văn;
- + Chọn đúng giới từ, phân từ, mạo từ ... để hoàn thành câu hoặc đoạn văn.

3. ĐỌC HIỂU (READING) tổng điểm 6/20;

- Số câu: khoảng 30 đến 40, từ 2 đến 3 đoạn văn.

- Nội dung:

- + Đọc và chọn trả lời trong câu hỏi đa lựa chọn;
- + Đọc và chọn từ đúng điền vào chỗ trống;
- + Đọc và chọn trong đáp án Đúng - Sai.
- + Đọc và tự sử dụng từ phù hợp điền vào chỗ trống

4. VIẾT (WRITING) tổng điểm 4/20

- + Viết lại câu không làm thay đổi nghĩa: 5 câu
- + Viết lại câu có từ khóa: 5 câu.
- + Viết một bài luận khoảng 100 - 150 từ (miêu tả, giải thích, tranh luận..)/.

MÔN TIN HỌC

1. Hình thức thi: Lập trình trên máy tính giải các bài toán bằng ngôn ngữ lập trình Pascal.

2. Nội dung cấu trúc:

Câu 1: 3 điểm

Kiểm tra kỹ năng lập trình cơ bản, biết sử dụng ngôn ngữ lập trình để giải các bài toán ở mức độ trung bình (cơ bản) không đòi hỏi về cấu trúc dữ liệu.

Câu 2: 6 điểm

Kiểm tra kỹ năng lập trình cơ bản, biết sử dụng ngôn ngữ lập trình để giải các bài toán ở mức độ trung bình (cơ bản) có đòi hỏi về cấu trúc dữ liệu.

Câu 3: 6 điểm

Kiểm tra kỹ năng lập trình, sử dụng ngôn ngữ lập trình để giải các bài toán ở mức độ khá, có đòi hỏi về cấu trúc dữ liệu.

Câu 4: 5 điểm

Kiểm tra kỹ năng lập trình, sử dụng ngôn ngữ lập trình để giải các bài toán ở mức độ khá cao, bằng các thuật toán sắp xếp, tìm kiếm./.

---Hết---

